TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1489/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/5/2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Khê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Ông Mai Thanh Giàu

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tân - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên toà: Bà Trần Võ Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2401/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1885/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị T, sinh năm: 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 75 U (khu nhà ở GH), Tổ 14, Khu phố 6, phườngPLB, thành phố T , Thành phố H

Bị đơn: ông Hà Xuân G, sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 75 U (khu nhà ở GH), Tổ 14, Khu phố 6, phườngPLB, thành phố T , Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Hà Xuân G chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường xã TP, huyện B, tỉnh V cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2006 ngày 13/6/2006. Sau ngày cưới chúng tôi sống chung tại Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc về sau không hạnh phúc do tính tình hai vợ chồng trái ngược nhau nên thường dẫn đến gây gổ. Hiện nay tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà đã cố gắng hết sức nhưng không thể hàn gắn đoàn tụ được, Bà xin dứt khoát ly hôn với ông Hà Xuân G. Về con chung: có 02 con chung tên Hà Dũng Minh Q, sinh ngày 28/4/2007 và Hà Dũng Minh Đ, sinh ngày 03/6/2018. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Hà Xuân G cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng/01 trẻ đến khi các trẻ lần lượt đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hà Xuân G đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Hà Xuân G không đến Tòa án, không gửi bản tự khai hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị T xin vắng mặt; bị đơn ông Hà Xuân G vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn tố tụng. Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Hà Xuân G và bà Trần Thị T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn (số 30, quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh V cấp ngày 13/6/2006). Nay bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Hà Xuân G, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung nên đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị T và ông Hà Xuân G đều có quốc tịch Việt Nam. Kết quả xác minh tại Công an phường phường PLB, thành phố T, Thành phố H xác định bị đơn ông Hà Xuân G hiện đang cư trú tại địa chỉ 75 U (khu nhà ở GH), Tổ 14, Khu phố 6,

phườngPLB, thành phố T , Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn xác định Bà và ông Hà Xuân G không còn hạnh phúc do tính tình vợ chồng trái ngược nhau nên thường dẫn đến gây gổ. Nay Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Hà Xuân G.

Bị đơn ông Hà Xuân G đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng ông Hà Xuân G vắng mặt, không tham dự các buổi hòa giải, làm việc, công khai chứng cứ cũng như không tham dự phiên tòa.

Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Trần Thị T và ông Hà Xuân G chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường xã TP, huyện B, tỉnh V cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2006 ngày 13/6/2006 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Giữa bà Trần Thị T và ông Hà Xuân G trên thực tế đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Bà Trần Thị T và ông Hà Xuân G do tính cách không hợp nhau dẫn tới thường xuyên cãi vả, gây gổ làm cho cuộc sống hôn nhân mất hạnh phúc. Bị đơn, ông Hà Xuân G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham dự các buổi hòa giải, làm việc cũng như dự phiên tòa hôm nay nhưng ông Hà Xuân G không đến, thể hiện thái độ buông bỏ, không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân với bà Trần Thị T. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Hà Xuân G đã rạn nứt không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

- Về con chung: nguyên đơn xác định Bà và ông Hà Xuân G có 02 con chung tên Hà Dũng Minh Q, sinh ngày 28/4/2007 và Hà Dũng Minh Đ, sinh ngày 03/6/2018. Hiện 02 trẻ Hà Dũng Minh Q, Hà Dũng Minh Đ đang sống chung với mẹ là bà Trần Thị T. Nay bà Trần Thị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Hà Dũng Minh Q, Hà Dũng Minh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, giao 02 con chung tên Hà Dũng Minh Q, Hà Dũng Minh Đ cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về mức cấp dưỡng: Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Hà Xuân G cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng/01 trẻ đến khi các trẻ lần lượt đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy mức cấp dưỡng như trên là phù hợp với tình hình kinh tế tại địa phương, đảm bảo

cho việc nuôi dưỡng 02 trẻ cho đến khi trưởng thành nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung; bị đơn không có yêu cầu phản tố về phần tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 do Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị T với ông Hà Xuân G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2006 ngày 13/6/2006 do Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho ông Hà Xuân G và bà Trần Thị T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: có 02 con chung tên Hà Dũng Minh Q, sinh ngày 28/4/2007 và Hà Dũng Minh Đ, sinh ngày 03/6/2018.

Giao 02 con chung là Hà Dũng Minh Q, Hà Dũng Minh Đ cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ đủ 18 tuổi. Ông Hà Xuân G cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng/01 trẻ đến khi các trẻ lần lượt đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Xuân G còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Trần Thị T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Trần Thị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0028820 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Đức**.** Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Hà Xuân G chịu. Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:
- VKSND TPTĐ;
- THADS TPTĐ;
- Đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Khê